

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 43/2018/DS-ST

Ngày: 24-8-2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thanh.

Ông Đỗ Ngọc Cận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 24/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2018/TLST-DS ngày 07/5/2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2018/QĐXXST-DS ngày 16/7/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S, địa chỉ: Số HSS-HST đường NKKN, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Sỹ K, địa chỉ: Số BK đường THĐ, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 04/4/2018 - vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Thanh S; địa chỉ: Số SCN/B đường THĐ, khóm T, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2018 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây viết là Ngân hàng) thì:

Ngày 21/9/2012, ông Lê Thanh S và Ngân hàng ký Hợp đồng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) với nội dung Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ông S tiêu dùng cá nhân, hạn mức sử dụng 16.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn 3,75%/tháng.

Sau khi được cấp, ông S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 16.280.000 đồng và thanh toán cho Ngân hàng được 23.816.802 đồng. Ngân hàng cho rằng ông S vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn từ ngày 23/9/2016.

Ngân hàng yêu cầu ông Lê Thanh S trả số tiền còn nợ là 19.742.824 đồng, gồm 10.522.571 đồng gốc, 6.146.935 đồng lãi trong hạn, 3.073.318 đồng lãi quá hạn và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ.

Ngân hàng đã giao nộp các tài liệu sau: Hợp đồng thẻ tín dụng (gồm bản sao có chứng thực Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 21/9/2012, bản sao Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 13/7/2012); bản chính Tóm tắt sao kê ngày 15/12/2017 và ngày 13/8/2018; bản chính Đơn đề nghị xét xử vắng mặt và Bảng tính lãi phát sinh cùng ngày 23/8/2018; bản chính Bản tự khai ngày 24/8/2018.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Ông Lê Thanh S không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà Ngân hàng đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Lê Thanh S trả số tiền gốc, lãi còn nợ phát sinh từ hợp đồng thẻ tín dụng ngày 21/9/2012 và ông S cư trú tại địa chỉ số SCN/B đường THĐ, khóm T, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2018, Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông Lê Thanh S theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 21/9/2012 là số SCN/B đường THĐ, khóm T, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do ông S không còn cư trú tại địa chỉ này, nhưng ông S không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Do ông Lê Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; ông Nguyễn Sỹ K có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông S, ông K.

[4] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do Ngân hàng cung cấp, căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định ông S và Ngân hàng có ký kết Hợp đồng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 21/9/2012, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 13/7/2012) với nội dung Ngân hàng cấp cho ông S thẻ tín dụng có hạn mức sử dụng 16.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn 3,75%/tháng; ông S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 16.280.000 đồng, thanh toán được 23.816.802 đồng; còn nợ Ngân hàng tổng cộng 19.742.824 đồng, gồm 10.522.571 đồng gốc, 6.146.935 đồng lãi trong hạn, 3.073.318 đồng lãi quá hạn.

[5] Do ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc Ngân hàng yêu cầu trả số tiền còn nợ nêu trên là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận tại các Điều 2, 18, 19, 20, 22, 23, 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 11, khoản 7 Điều 16, điểm c khoản 2 Điều 24 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước (đã được sửa đổi, bổ sung).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng không phải chịu; ông Lê Thanh S phải chịu 987.141 đồng theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước (đã được sửa đổi, bổ sung); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S:

1/. Buộc ông Lê Thanh S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 19.742.824 đồng (gồm 10.522.571 đồng gốc, 6.146.935 đồng lãi trong hạn, 3.073.318 đồng lãi quá hạn) còn nợ theo Hợp đồng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 21/9/2012, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S có hiệu lực từ ngày 13/7/2012).

Kể từ ngày 25/8/2018, ông Lê Thanh S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông Lê Thanh S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Thanh S phải chịu là 987.141 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu; trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 410.000 đồng theo biên lai số 0001649 ngày 18/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3/. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Khương